

## TRƯỜNG THPT VIỆT ĐỨC

### ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA 11 GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2021-2022

**Câu 1.** Biên giới Trung Quốc với các nước chủ yếu là

- A. núi cao và hoang mạc.
- B. núi thấp và đồng bằng.
- C. đồng bằng và hoang mạc.
- D. núi thấp và hoang mạc.

**Câu 2.** Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Tiến hành chính sách dân số triệt để.
- B. Sự phát triển nhanh của y tế, giáo dục.
- C. Sự phát triển nhanh của nền kinh tế.
- D. Người dân không muốn sinh nhiều con.

**Câu 3.** Những thay đổi quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là kết quả của

- A. công cuộc đại nhảy vọt.
- B. các kế hoạch 5 năm.
- C. công cuộc hiện đại hóa.
- D. cuộc cách mạng văn hóa.

**Câu 4.** Chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào 5 ngành chính nào sau đây?

- A. Chế tạo máy, dệt may, hóa chất, sản xuất ô tô và xây dựng.
- B. Chế tạo máy, điện tử, hóa chất, sản xuất ô tô và luyện kim.
- C. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và luyện kim.
- D. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

**Câu 5.** Đặc điểm chính của địa hình Trung Quốc là

- A. thấp dần từ bắc xuống nam.
- B. thấp dần từ tây sang đông.
- C. cao dần từ bắc xuống nam.
- D. cao dần từ tây sang đông.

**Câu 6.** Miền Đông Trung Quốc thuộc kiểu khí hậu

- A. cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa.
- B. nhiệt đới và xích đạo gió mùa.
- C. ôn đới lục địa và ôn đới gió mùa.
- D. cận nhiệt đới và ôn đới lục địa.

**Câu 7.** Các dân tộc ít người của Trung Quốc phân bố rải rác ở khu vực nào sau đây?

- A. Các thành phố lớn.
- B. Các đồng bằng châu thổ.
- C. Vùng núi cao phía tây.
- D. Dọc biên giới phía nam.

**Câu 8.** Trung Quốc **không** áp dụng chính sách, biện pháp nào sau đây trong cải cách nông nghiệp?

- A. Giao đất cho người nông dân.
- B. Cải tạo tốt hệ thống thủy lợi.
- C. Đưa giống mới vào sản xuất.
- D. Tăng thêm thuế nông nghiệp.

**Câu 9.** Thế mạnh nổi bật để phát triển công nghiệp nông thôn của Trung Quốc là

- A. khí hậu khá ổn định.
- B. nguồn lao động dồi dào.
- C. cơ sở hạ tầng hiện đại.
- D. có nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 10.** Dân tộc nào chiếm số dân đông nhất ở Trung Quốc?

- A. Hán.
- B. Choang.
- C. Tạng.
- D. Hồi.

**Câu 11.** Dân cư Trung Quốc tập trung đông nhất ở vùng

A. ven biển và thượng lưu các con sông.

B. ven biển và hạ lưu các con sông.

C. ven biển và vùng đồi núi phía Tây.

D. phía Tây Bắc và vùng trung tâm.

**Câu 12.** Phần phía đông Trung Quốc tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

A. Thái Bình Dương.

B. Đại Tây Dương.

C. Ấn Độ Dương.

D. Bắc Băng Dương.

**Câu 13.** Các đồng bằng ở miền Đông Trung Quốc theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là

A. Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

B. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

C. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung.

D. Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Bắc, Hoa Trung.

**Câu 14.** Phát minh nào sau đây **không** phải của Trung Quốc?

A. La bàn.

B. Giấy.

C. Kỹ thuật in.

D. Chữ la

tin.

**Câu 15.** Trung Quốc là nước có diện tích lớn thứ tư trên thế giới sau các nước nào sau đây?

A. Nga, Canada, Hoa Kỳ.

B. Nga, Canada, Australia.

C. Nga, Hoa Kỳ, Braxin.

D. Nga, Hoa Kỳ, Mông Cổ.

**Câu 16.** Nhận xét nào dưới đây là đúng về đặc điểm đường biên giới với các nước trên đất liền của Trung Quốc?

A. Chủ yếu là núi và cao nguyên.

B. Chủ yếu là núi cao và hoang mạc.

C. Chủ yếu là đồng bằng và hoang mạc.  
bằng.

D. Chủ yếu là đồi núi thấp và đồng

**Câu 17.** Nhận xét nào sau đây **không** đúng về đặc điểm miền Đông Trung Quốc?

A. Có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa.

B. Dân cư tập trung đông đúc, nông nghiệp trù phú.

C. Nghèo khoáng sản, chỉ có than đá là đáng kể.

D. Phía bắc miền đông có khí hậu ôn đới gió mùa.

**Câu 18.** Sản lượng sản phẩm công nghiệp nào sau đây của Trung Quốc đứng đầu thế giới?

A. Điện, than, dầu khí.

B. Phân bón, thép, khí đốt.

C. Điện, phân đạm, khí đốt.

D. Than, thép, xi măng, phân đạm.

**Câu 19.** Biện pháp nào sau đây đã được Trung Quốc thực hiện trong quá trình hiện đại hóa nông nghiệp?

A. Thực hiện chiến dịch đại nhảy vọt.  
dân.

B. Giao quyền sử dụng đất cho nông

C. Thành lập công xã nhân dân.

D. Khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 20.** Vùng nông nghiệp trù phú của Trung Quốc là

A. các đồng bằng châu thổ.

B. vùng sơ nguyên Tây Tạng.

C. vùng trung tâm rộng lớn.

D. dọc theo “con đường tơ lụa”.

- Câu 21.** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển mạnh dựa trên lợi thế chủ yếu nào sau đây?
- A. Thu hút được rất nhiều vốn, công nghệ từ nước ngoài.
  - B. Có nhiều làng nghề với truyền thống sản xuất lâu đời.
  - C. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.
  - D. Nguồn lao động đông đảo, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- Câu 22.** Bình quân lương thực theo đầu người của Trung Quốc vẫn còn thấp là do
- A. sản lượng lương thực thấp.
  - B. diện tích đất canh tác rất ít.
  - C. dân số đông nhất thế giới.
  - D. năng suất cây lương thực thấp.
- Câu 23.** Thành tựu của chính sách dân số triệt để của Trung Quốc là
- A. giảm tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.
  - B. làm tăng chênh lệch cơ cấu giới tính.
  - C. làm tăng số lượng lao động nữ giới.
  - D. giảm quy mô dân số của cả nước.
- Câu 24.** Tác động tiêu cực nhất của chính sách dân số rất triệt để ở Trung Quốc là
- A. làm tăng tình trạng bất bình đẳng giới.
  - B. mất cân bằng giới tính nghiêm trọng.
  - C. mất cân bằng trong phân bố dân cư.
  - D. tỉ lệ dân cư nông thôn giảm mạnh.
- Câu 25.** Những thay đổi quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là kết quả của
- A. công cuộc đại nhảy vọt.
  - B. cuộc cách mạng văn hóa.
  - C. công cuộc hiện đại hóa.
  - D. cải cách trong nông nghiệp.
- Câu 26.** Miền Tây Trung Quốc có kiểu khí hậu chủ yếu nào sau đây?
- A. Khí hậu ôn đới hải dương.
  - B. Khí hậu ôn đới gió mùa.
  - C. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.
  - D. Khí hậu ôn đới lục địa.
- Câu 27.** Vùng nông thôn ở Trung Quốc phát triển mạnh ngành công nghiệp nào sau đây?
- A. Dệt may.
  - B. Cơ khí.
  - C. Điện tử.
  - D. Hóa dầu.
- Câu 28.** Sự phát triển của các ngành công nghiệp nào sau đây quyết định việc Trung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ?
- A. Điện, luyện kim, cơ khí.
  - B. Điện, chế tạo máy, cơ khí.
  - C. Điện tử, cơ khí chính xác, máy tự động.
  - D. Điện tử, luyện kim, cơ khí chính xác.
- Câu 29.** Trung Quốc **không** áp dụng chính sách, biện pháp nào trong cải cách ngành nông nghiệp?
- A. Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.
  - B. Cải tạo, xây dựng hệ thống thủy lợi.
  - C. Áp dụng kĩ thuật mới, phổ biến giống mới.
  - D. Hạn chế xuất khẩu lương thực, thực phẩm.
- Câu 30.** Đồng bằng nào sau đây của Trung Quốc thường chịu nhiều thiên tai lụt lội nhất?
- A. Đông Bắc.
  - B. Hoa Bắc.
  - C. Hoa Trung.
  - D. Hoa Nam.
- Câu 31.** Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc giảm mạnh?

A. Tỷ lệ xuất cư cao.

B. Tỷ lệ kết hôn thấp.

C. Áp dụng triệt để chính sách dân số.

D. Tốc độ già hóa dân số rất nhanh.

**Câu 32.** Vùng trồng lúa gạo của Trung Quốc tập trung ở khu vực có khí hậu nào dưới đây?

A. Ôn đới gió mùa và cận nhiệt gió mùa.

B. Cận nhiệt gió mùa và cận nhiệt lục địa.

C. Cận nhiệt lục địa và nhiệt đới gió mùa.

D. Cận nhiệt gió mùa và nhiệt đới gió mùa.

**Câu 33.** Dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở miền Đông vì miền này

A. là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc.

B. có kinh tế phát triển, rất giàu tài nguyên.

C. ít thiên tai, thích hợp cho định cư lâu dài.

D. không có lũ lụt hàng năm, khí hậu ôn hòa.

**Câu 34.** Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU DÂN SỐ TRUNG QUỐC PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN  
NĂM 2005 VÀ 2014 (Đơn vị: %)

Năm	2005	2014	2020
Thành thị	37,0	54,5	60,8
Nông thôn	63,0	45,5	39,2

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu dân số Trung Quốc phân theo thành thị và nông thôn năm?

A. Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng.

B. Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng.

C. Tỷ lệ dân thành thị luôn ít hơn dân nông thôn.

D. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị không thay đổi.

**Câu 35.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về nền kinh tế Trung Quốc hiện nay?

A. Quy mô GDP ngày càng tăng và đứng hàng đầu thế giới.

B. Tốc độ tăng trưởng GDP xếp vào loại cao nhất thế giới.

C. Thu nhập bình quân theo đầu người có xu hướng tăng nhanh.

**D.** Khoảng cách về kinh tế giữa các vùng ngày càng được rút ngắn.

**Câu 36.** Giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc **không** có sự khác biệt rõ rệt về

- A.** khí hậu.                      **B.** địa hình.                      **C.** diện tích.                      **D.** Sông  
ngòi.

**Câu 37.** Trung Quốc đã áp dụng biện pháp chủ yếu nào sau đây để thu hút đầu tư nước ngoài?

- A.** Tiến hành cải cách ruộng đất.                      **B.** Phát triển kinh tế thị trường.  
**C.** Thành lập các đặc khu kinh tế.                      **D.** Mở các trung tâm thương mại.

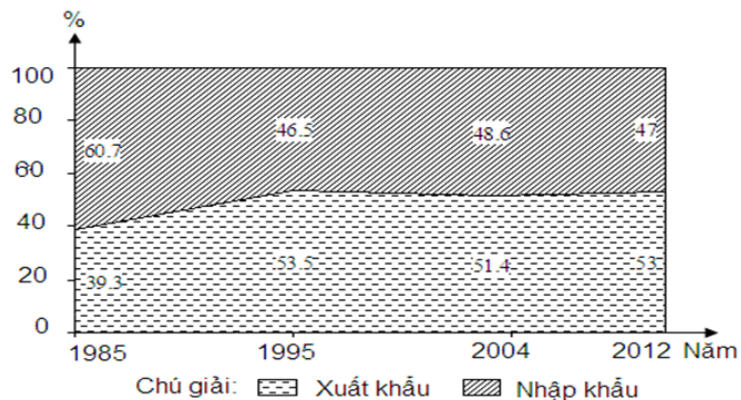
**Câu 38.** Một trong những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc trong phát triển kinh tế - xã hội là

- A.** thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh.                      **B.** tình trạng đói nghèo không còn phổ  
biến.  
**C.** xóa bỏ chênh lệch phân hóa giàu nghèo.                      **D.** tổng GDP đã đạt mức cao nhất thế  
giới.

**Câu 39.** Nguyên nhân nào sau đây là cơ bản nhất khiến miền Tây Bắc của Trung Quốc hình thành nhiều hoang mạc và bán hoang mạc?

- A.** Chịu tác động của dòng biển lạnh.  
**B.** Nằm gần xích đạo, khí hậu khô khan.  
**C.** Nằm sâu trong lục địa, khí hậu khắc nghiệt.  
**D.** Nằm trong vùng cận cực, khí hậu khắc nghiệt.

**Câu 40.** Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu của Trung Quốc:



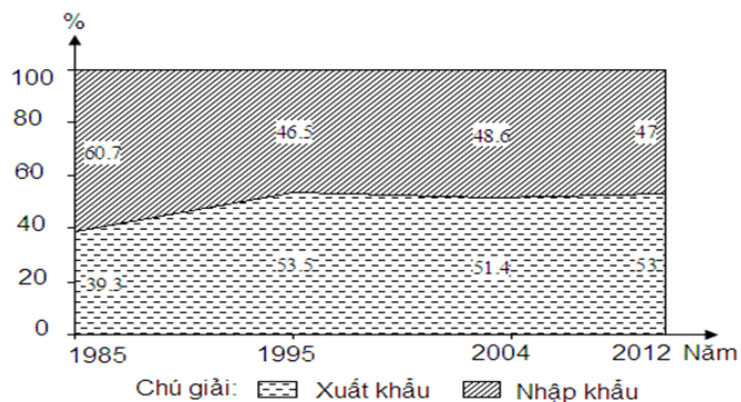
Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.
- B. Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.
- C. Quy mô, cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.
- D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.

**Câu 41.** Biện pháp nào sau đây **không** được Trung quốc thực hiện trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường?

- A. Tăng cường vốn đầu tư để hiện đại hóa trang thiết bị.
- B. Mở rộng quyền tự chủ cho các nhà máy, xí nghiệp.
- C. Sử dụng lực lượng lao động nông thôn để sản xuất công nghiệp.
- D. Xây dựng các khu chế xuất chuyên hải thu hút đầu tư nước ngoài.

**Câu 42.** Cho biểu đồ:



SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC,  
GIAI ĐOẠN 1985 - 2012

(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê năm 2013, NXB Thống kê 2014)

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu xuất nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012?

- A. Luôn xuất siêu.
- B. Luôn nhập siêu.
- C. Năm 1985 xuất siêu.
- D. Năm 2012 xuất siêu.

**Câu 43.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc là

- A. tai biến thiên nhiên thường xảy ra.
- B. sự phân hóa về khí hậu trên lãnh thổ.
- C. sự phân bố không đều nguồn tài nguyên nước giữa các vùng.
- D. diện tích đất trồng bị thu hẹp do quá trình công nghiệp hóa.

**Câu 44.** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ TRUNG QUỐC NĂM 2020**

(Đơn vị: triệu người)

Chỉ tiêu	Tổng số	Thành thị	Nông thôn	Nam	Nữ
Số dân	1402	852	600	718	684

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về dân số Trung Quốc năm 2020?

- A. Tỷ lệ dân thành thị là 45,2%.
- B. Tỷ lệ dân số nam là 48,2%.
- C. Tỷ số giới tính là 105,1%.
- D. Cơ cấu dân số cân bằng.

**Câu 45.** Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC**

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2020
Xuất khẩu	53,1	57,6	53,5
Nhập Khẩu	46,9	42,4	46,4

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020, NXB Thống kê 2021)

Để thể hiện cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 2010 - 2020, theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Cột.
- C. Đường.
- D. Tròn.

**Câu 46.** Tại sao các đặc khu kinh tế của Trung Quốc tập trung chủ yếu ở ven biển?

- A. Cơ sở hạ tầng phát triển, đặc biệt là giao thông vận tải.
- B. Nguồn lao động dồi dào, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.
- C. Thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài và xuất, nhập khẩu hàng hóa.
- D. Thuận lợi để giao lưu kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới.

**Câu 47.** Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC, BÔNG CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2004 - 2021**

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

<b>Năm</b>	<b>2004</b>	<b>2012</b>	<b>2014</b>	<b>2021</b>
Lương thực	422,5	590,0	607,1	685
Bông vải	5,7	6,84	6,16	5,91

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lương thực, bông của Trung Quốc thời kì 2004 - 2021?

- A. Sản lượng lương thực giảm, sản lượng bông tăng.
- B. Sản lượng lương thực tăng chậm hơn sản lượng bông.
- C. Sản lượng lương thực tăng sản lượng bông không ổn định.
- D. sản lượng lương thực, bông có xu hướng tăng liên tục.

**Câu 48.** Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC**

<b>Năm</b>	<b>1985</b>	<b>1995</b>	<b>2020</b>
Than ( <i>triệu tấn</i> )	961,5	1536,9	1634,9
Điện ( <i>tỉ Kwh</i> )	390,6	956,0	2187,0
Thép ( <i>triệu tấn</i> )	47	95	272,8
Xi măng ( <i>triệu tấn</i> )	146	476	970,0

Nhận xét nào sau đây đúng với sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc từ năm 1985 đến năm 2020?

- A. Sản lượng than tăng nhanh nhất.
- B. Sản lượng thép tăng chậm nhất.
- C. Sản lượng điện tăng chậm hơn sản lượng than.
- D. Sản lượng Xi măng tăng nhanh hơn sản lượng thép.

**Câu 49.** Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC**

*(Đơn vị: %)*

<b>Năm</b>	<b>1985</b>	<b>1995</b>	<b>2004</b>	<b>2010</b>	<b>2015</b>	<b>2020</b>
Xuất khẩu	39,3	53,5	51,4	53,1	57,6	53,5
Nhập Khẩu	60,7	46,5	48,6	46,9	42,4	46,4

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, NXB Thống kê 2017)*

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2020, theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Cột.
- C. Đường.
- D. Tròn.

**Câu 50.** Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC, BÔNG CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2004 - 2021**

*(Đơn vị: Triệu tấn)*



Năm	2004	2012	2014	2021
Lương thực	422,5	590,0	607,1	685
Bông vải	5,7	6,84	6,16	5,91

(Nguồn: Viện nghiên cứu Trung Quốc)

Để thể hiện sản lượng lương thực, bông vải của Trung Quốc giai đoạn 2004 - 2021 theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.                      B. Cột.                      C. Đường.                      D. Tròn.

**Câu 51.** Trung Quốc tiến hành hiện đại hoá và cải cách mở cửa từ năm

- A. 1879.                      B. 1897                      C. 1978.                      D. 1987.

**Câu 52.** Từ năm 1978, Trung Quốc đã có quyết sách gì quan trọng?

- A. Thực hiện chính sách dân số triệt để và phân bố lại dân cư.  
 B. Tiến hành công nghiệp hoá và hiện đại hoá.  
 C. Tiến hành hiện đại hoá và cải cách mở cửa.  
 D. Thực hiện cách mạng văn hoá và đại nhảy vọt.

**Câu 53.** Ý nào sau đây *không phải* là kết quả của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc được thực hiện từ năm 1978?

- A. Thu nhập bình quân đầu người tăng.  
 B. Tốc độ tăng trưởng GDP cao.  
 C. Đời sống nhân dân được cải thiện.  
 D. Gia tăng dân số giảm

**Câu 54.** “Các nhà máy, xí nghiệp được chủ động hơn trong việc lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ...” là nội dung của chính sách nào ở Trung Quốc?

- A. Chuyển từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường.  
 B. Công nghiệp hóa, hiện đại hoá  
 C. Cách mạng trắng.  
 D. Cách mạng xanh.

**Câu 55.** Khu công nghiệp duy nhất ở miền Tây (Urumsı) có cơ cấu ngành gồm

- A. hoá chất, luyện kim đen.                      B. luyện kim đen, luyện kim màu.  
 C. luyện kim đen, hoá dầu.                      D. hoá chất, đóng tàu biển.

**Câu 56.** Về quy mô và vị trí, hai trung tâm công nghiệp của Trung Quốc là Thượng Hải và Quảng Châu đều giống nhau ở chỗ

- A. có quy mô lớn và ở ven biển.  
 B. có quy mô rất lớn và ở ven biển.

C. có cơ cấu ngành đa dạng và đều có ngành đóng tàu.

D. có cơ cấu ngành đa dạng và đều có đóng tàu, hoá dầu.

**Câu 57.** Ý nào sau đây *không phải* là biện pháp để Trung Quốc khuyến khích phát triển nông nghiệp?

A. Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.

B. Cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng nông nghiệp

C. Tăng cường nhập khẩu lương thực - thực phẩm.

D. Áp dụng tiến bộ của khoa học - kĩ thuật.

**Câu 58.** Các nông phẩm có sản lượng đứng hàng đầu của Trung Quốc là

A. lương thực, bông, cừu.

B. lương thực, bông, bò.

C. lương thực, bò, cừu.

D. lương thực, bông, thịt lợn.

**Câu 59.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp Trung Quốc

A. trồng trọt và chăn nuôi tương đương nhau.

B. trồng trọt chiếm ưu thế hơn so với chăn nuôi.

C. chăn nuôi chiếm ưu thế hơn trồng trọt.

D. chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp chiếm ưu thế.

**Câu 60.** Loại cây chiếm vị trí quan trọng nhất trong số các cây trồng ở Trung Quốc là

A. cây công nghiệp.

B. cây lương thực.

C. cây ăn quả.

D. cây rau, đậu.

**Câu 61.** Lúa mì, ngô, củ cải đường là các sản phẩm nông nghiệp được trồng nhiều ở vùng nào của Trung Quốc?

A. Đồng bằng Hoa Trung, Hoa Nam.

B. Đồng bằng Hoa Bắc, Đông Bắc.

C. Các cao nguyên, bồn địa phía tây.

D. Vùng duyên hải phía đông.

**Câu 62.** Lúa gạo, mía, chè, bông là các sản phẩm nông nghiệp của Trung Quốc được trồng nhiều ở vùng

A. đồng bằng Hoa Trung, Hoa Nam.

B. đồng bằng Hoa Bắc, Đông Bắc.

C. các cao nguyên, bồn địa phía tây.

D. vùng duyên hải phía đông.

**Câu 63.** Cừu là vật nuôi có nhiều ở vùng nào của Trung Quốc?

A. Đồng bằng Hoa Trung, Hoa Nam.

B. Đồng bằng Hoa Bắc, Đông Bắc.

C. Các cao nguyên, vùng núi phía tây.

D. Duyên hải phía đông.

**Câu 64.** Lợn là vật nuôi của Trung Quốc có nhiều ở

A. đồng bằng Hoa Trung, Hoa Nam.

B. đồng bằng Hoa Bắc, Đông Bắc.

C. các cao nguyên, vùng núi phía tây.

D. các đồng bằng phía đông.

**Câu 65.** “16 chữ vàng”, “4 tốt”... là những phương châm quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với

A. LB Nga.

B. Cu-ba.

C. Trung Quốc.

D. Lào.

**Câu 66.** Thiếc là loại khoáng sản tập trung ở khu vực nào của Trung Quốc?

A. Phía bắc giáp Mông cổ.

B. Phía đông giáp biển.

C. Phía nam giáp Việt Nam.

D. Phía tây bắc giáp Ca-dắc-xtan.

**Câu 67.** Biết diện tích Trung Quốc là 9562,9 nghìn km<sup>2</sup>, dân số giữa năm 2015 là 1371,9 triệu người, vậy mật độ dân số của nước này là

A. 144 người/km.

B. 144 người/km<sup>2</sup>.

C. 8191 người/km<sup>2</sup>.

D. 10 934 người/km<sup>2</sup>.

**Câu 68.** Năm 2015, dân số Trung Quốc là 1371,9 triệu người, biết tỉ lệ dân thành thị trong năm này là 54%, vậy số dân thành thị của Trung Quốc năm 2015 là

A. 740 826 triệu người.

B. 25 406 triệu người.

C. 740 826 nghìn người.

D. 1317,9 triệu người.

**Câu 69.** Các dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ bao nhiêu trong tổng dân số Trung Quốc?

A. 10%.

B. 50%.

C. 70%.

D. 90%.

**Câu 70.** Ý nào sau đây *không đúng* với đặc điểm dân cư, xã hội hiện nay ở Trung Quốc?

A. Các khu tự trị tập trung chủ yếu ở vùng núi và biên giới.

B. Các thành phố lớn tập trung chủ yếu tại miền Đông

C. Tỉ lệ dân nông thôn khoảng 46%.

D. Mức gia tăng dân số tự nhiên cao.

**Câu 71.** Để hạn chế tốc độ tăng dân số, từ năm 1979, Trung Quốc đã thực hiện chính sách dân số với nội dung

A. mỗi gia đình có 1 đến 2 con.

B. mỗi gia đình chỉ có 1 con trai.

C. mỗi gia đình chỉ có 1 con.

D. mỗi gia đình chỉ có 2 con.

**Câu 72.** Mục tiêu cực của chính sách dân số “1 con” ở Trung Quốc là

A. giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên.

- B. chất lượng đời sống dân cư được cải thiện
- C. mất cân bằng giới tính nghiêm trọng.
- D. tỉ lệ dân thành thị tăng.

**Câu 73.** Ý nào sau đây đúng với đặc điểm phân bố dân cư của Trung Quốc?

- A. Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Tây.
- B. Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Đông
- C. Dân cư phân bố đều, tập trung chủ yếu ở nông thôn.
- D. Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền núi.

**Câu 74.** Các thành phố có trên 8 triệu dân của Trung Quốc là

- A. Bắc Kinh, Thiên Tân.
- B. Bắc Kinh, Thượng Hải.
- C. Thượng Hải, Trùng Khánh.
- D. Trùng Khánh, Hồng Công.

**Câu 75.** Miền Đông Trung Quốc có nhiều thành phố triệu dân và dân cư tập trung đông chủ yếu do

- A. gần biển, khí hậu mát mẻ.
- B. đất phù sa màu mỡ, địa hình bằng phẳng.
- C. nguồn nước dồi dào, sinh vật phong phú.
- D. nền kinh tế phát triển.

**Câu 76.** Miền Tây Trung Quốc dân cư thưa thớt chủ yếu do

- A. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.
- B. sông ngòi ngắn dốc, thường xuyên gây lũ.
- C. ít tài nguyên khoáng sản và đất trồng.
- D. nhiều hoang mạc, bồn địa.

**Câu 77.** Nhìn chung miền Tây Trung Quốc thưa dân (chủ yếu có mật độ dưới 1 người/km<sup>2</sup>) nhưng lại có một dải có mật độ đông hơn với mật độ 1 - 50 người/km<sup>2</sup> là do

- A. gần với tuyến đường sắt Đông - Tây mới xây dựng.
- B. đó là phần thuộc lưu vực sông Hoàng Hà.
- C. gần với lịch sử “Con đường tơ lụa”.
- D. chính sách phân bố dân cư của Trung Quốc.

**Câu 78.** Tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ ở Trung Quốc là

- A. thấp.
- B. trung bình.
- C. cao.
- D. rất cao.

**Câu 79.** về mặt giáo dục, ý nào sau đây *không phải* là giải pháp Trung Quốc đã làm để chuẩn bị và bổ sung liên tục lực lượng lao động có chất lượng cho công cuộc hiện đại hoá đất nước?

- A. Nhập khẩu nhiều lao động phổ thông nước ngoài.

- B. Cải cách giáo dục, đa dạng hoá các loại hình trường trong nước
- C. Cử người đi đào tạo ở nước ngoài.
- D. Thuê chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài.

**Câu 80.** Người Trung Quốc cổ đại là chủ nhân của những phát minh nào sau đây?

- A. Đồng hồ, la bàn, giấy, thuốc súng.
- B. La bàn, giấy, kĩ thuật in, bom nguyên tử.
- C. La bàn, giấy, kĩ thuật in, thuốc súng.
- D. Đúc đồng, giấy, thuốc súng, la bàn.

-----**HẾT**-----